

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2019/HS-ST**

Ngày: 07 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thanh**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Hạnh;

Ông Bò Quốc Khánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:*
Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Danh T** (Tên gọi khác: Dương Minh T), sinh ngày: 26/01/1995, tại tỉnh Kiên Giang.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi tạm trú hiện nay: Ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (Học vấn): 9/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh H, sinh năm 1960 và bà Thị M, sinh năm 1964 (còn sống tại huyện A, tỉnh Kiên Giang); Bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1985 nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/02/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hồ Đình V**, sinh năm 1987, tại tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Hộ khẩu thường trú: đường P, phường K, thành phố M, tỉnh Thừa Thiên – Huế; Nơi tạm trú hiện nay: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (Học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 (cả hai đều còn sống tại Thành phố M, tỉnh Thừa Thiên-Huế); Bị cáo có vợ tên Kim Thị T, sinh năm 1990, nghề nghiệp Thợ may và 01 con tên Hồ Đình K, sinh năm 2013. Vợ và con bị cáo hiện đang làm ăn sinh sống tại phường K, Thành phố M, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Bị cáo có 04 người em ruột, lớn nhất sinh năm 1988 nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/02/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí xây dựng T. Địa chỉ trụ sở chính: Đường X, Khu TĐC P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH cơ khí xây dựng T là ông **Nguyễn Trung K**, sinh năm 1973 – Chức vụ: Giám đốc Công ty đã ủy quyền cho ông Phạm Hữu T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2019). Vắng mặt (Ngày /2019, ông Phạm Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông **Hồ Đình Q**, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ cư trú hiện nay: phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt .

- *Người làm chứng*:

1. Ông **Bồ Văn P**, sinh năm 1988; Vắng mặt (Ngày 24/4/2019 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1985; Vắng mặt (Ngày 26/4/2019 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh T (Tên khác là Dương Minh T) (Viết tắt là T) và Hồ Đình V (Viết tắt là V) là công nhân thời vụ được Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí xây dựng T (Viết tắt là Công ty T) thuê làm việc từ tháng 4/2018 cho đến nay. Ngày 22/01/2019, T và V được bố trí làm việc tăng ca tại công trình xây dựng Nhà máy Y do Công ty T đảm nhận phân thi công xây dựng tại đường X, Khu Công nghiệp V thuộc ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Trong lúc làm việc, V nhìn thấy 01 cuộn dây điện màu đen, lõi bằng đồng đã cuộn sẵn đặt chìm trong nước sinh nơi bãi đất trống nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, V tìm gặp T và nói rõ ý định cùng T trộm cuộn dây điện nói trên để bán lấy tiền tiêu xài thì được T đồng ý ngay sau đó cả hai tiếp tục làm việc đến hết giờ tan ca. Khoảng 23 giờ 50, khi hết giờ làm việc, chuẩn bị ra về thì V và T quan sát xung quanh công trình không còn người làm, chỉ có bảo vệ trực tại cửa nhưng xung quanh công trình không có tường rào nên V điều khiển xe mô tô biển số 75F1-016.34 chở T đến nơi đặt cuộn dây điện. Cả hai dùng xe và khiêng cuộn dây điện lên xe mô tô, đặt giữa chỗ ngồi của V và T, V ngồi phía trước điều khiển xe mô tô, T ngồi phía sau giữ cuộn dây điện. Khi V chở T ra khỏi công trình được 01 km (còn trong khu vực Khu công nghiệp V), thì bị bảo vệ Khu Công nghiệp chặn lại kiểm tra, V và T không chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ của cuộn dây điện nên bảo vệ Khu Công nghiệp bàn giao người, cuộn dây điện và phương tiện cho Công an xã T để xử lý theo thẩm quyền. Qua làm việc tại Công an xã T, huyện B, V và T đã khai nhận cuộn dây điện nói trên do V và T đã lấy trộm tại công trình xây dựng Nhà máy Y mà có. Sáng ngày 23/01/2019, Công an xã T đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên thụ lý điều tra theo quy định pháp luật.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 08/KLHD-ĐGTS ngày 25/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Tân Uyên xác định tài sản bị chiếm đoạt là cuộn dây điện có vỏ màu đen bên trong có 04 lõi bằng đồng, dài 40m, trọng lượng 49kg, loại dây 4 x 25mm, trị giá 3.400.000đ.

Ngày 12/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Hồ Đình V và Danh T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cùng ngày 12/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với V và T theo các lệnh số 11 và 12.

Tại Bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBTU, ngày 17/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã quyết định truy tố đối với Hồ Đình V và Danh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tang vật của vụ án: Đối với cuộn dây điện có vỏ màu đen bên trong có 04 lõi bằng đồng, dài 40m, trọng lượng 49kg, loại dây 4x25mm là tài sản thuộc sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí xây dựng T, sau khi định giá xong Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu ngày 12/02/2019, nên Viện Kiểm sát không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 75F1-016.34, số khung: RLCJ31C30BY038794, số máy 31C3-038812 đã thu giữ của Hồ Đình V, quá trình điều tra được biết xe mô tô nói trên thuộc sở hữu của anh Hồ Đình Q (em ruột của V), cho V mượn xe để làm phương tiện đi lại làm ăn, sinh sống, anh Q không biết V sử dụng xe mô tô nói trên để sử dụng làm phương

tiện phạm tội nên ngày 19/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra quyết định xử lý vật chứng số 30 trả lại tài sản nói trên cho anh Hồ Đình Q.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí xây dựng T do ông Phạm Hữu T đại diện theo ủy quyền không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm các khoản thiệt hại nào khác. Ngày 10/4/2019, ông Phạm Hữu T có đơn xin bãi nại và xin cho các bị cáo Hồ Đình V, Danh T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hồ Đình V từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, xử phạt bị cáo Danh T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Về xử lý tang vật, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: cuộn dây điện có vỏ màu đen bên trong có 04 lõi bằng đồng, dài 40m, trọng lượng 49kg, loại dây 4x25mm đã được thu hồi trả cho bị hại, xe mô tô biển số 75F1-016.34, số khung: RLCJ31C30BY038794, số máy 31C3-038812 thuộc sở hữu của anh Hồ Đình Q cho bị cáo V mượn đi lại, anh Q không biết V sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh Q. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Phạm Hữu T đại diện bị hại và anh Hồ Đình Q không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xử lý.

Tại phần tranh luận, bị cáo Hồ Đình V và Danh T không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, cả hai bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo để có thời gian tiếp tục làm việc tại Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của ông Phạm Hữu T là người đại diện hợp pháp của bị hại

nhưng trong giai đoạn điều tra, ông T đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, yêu cầu cụ thể nên việc vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị hại không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Những người làm chứng là ông Bồ Văn P, ông Huỳnh Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã cung cấp đầy đủ lời khai, cam đoan việc làm chứng đúng sự thật nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa để triệu tập lần 2 đối với người làm chứng hoặc dẫn giải họ đến tham gia phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Đình V, Danh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khi phát hiện cuộn dây điện đã cuộn sẵn để tại công trình đang thi công nơi V và T làm việc tại Nhà máy Y thuộc Khu Công nghiệp V (xã T, huyện B), V đã nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. V đã bàn bạc, rủ rê T thực hiện việc chiếm đoạt cuộn dây điện nói trên để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và được T đồng ý. Khoảng 23 giờ 50 ngày 22/01/2019, lợi dụng đêm khuya, vắng người, V điều khiển xe mô tô biển số 75F1-016.xx chở theo T đến nơi đặt cuộn dây điện, T xuống xe khiêng cuộn dây điện lên xe, đặt giữa chỗ ngồi giữa V và T, sau đó cả hai rời khỏi hiện trường khoảng 01km thì bị bảo vệ Khu Công nghiệp V phát hiện, bắt giữ giao cơ quan công an xử lý. Tài sản là cuộn dây điện có vỏ màu đen bên trong có 04 lõi bằng đồng, dài 40m, trọng lượng 49kg, loại dây 4x25mm, đã được Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên xác định tổng giá trị là 3.400.000^d.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, khu vực vắng người các bị cáo V và T đã lén lút lấy cắp tài sản là cuộn dây điện có vỏ màu đen bên trong có 04 lõi bằng đồng, dài 40m, trọng lượng 49kg, loại dây 4x25mm thuộc sở hữu của Công ty TNHH cơ khí xây dựng T đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã gây hoang mang, lo sợ trong nhân dân và làm mất trật tự, trị an nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo đều còn trẻ, cả hai đều được Công ty TNHH cơ khí xây dựng T thuê làm công nhân thời vụ tại công trình xây dựng, đã lợi dụng sự tin tưởng của người quản lý để lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty bán lấy tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân. Các bị cáo đủ khả năng lao động tại Công ty để có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình nhưng vì mục đích, động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài không cần phải lao động nên các bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Các bị cáo V và T đều ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục ý thức tuân theo

pháp luật cho người phạm tội và để có tác dụng ngăn chặn, đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó V là người đề xướng, rủ rê, xúi giục, dùng lời nói tác động đến sự ham muốn vật chất của bị cáo T, còn T bị cám dỗ vật chất, muốn hưởng thụ không qua lao động nên đã đồng ý giúp sức cho V thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo V nghiêm khắc hơn bị cáo T nhằm tương xứng với mức độ, hành vi, vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

[6] Cáo trạng cũng như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị xét xử các bị cáo V và T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo V, T đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, tài sản bị thiệt hại không lớn và đã được thu hồi giao trả cho bị hại thuộc các tình tiết giảm nhẹ ở điểm i, s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại và xin cho các bị cáo được hưởng án treo, các bị cáo vẫn đang được làm việc bình thường tại Công ty T là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để quyết định hình phạt cho các bị cáo V và T khi lượng hình.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đảm bảo được tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, việc xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, giao trả cho bị hại là Công ty TNHH cơ khí xây dựng T, bị hại cũng như người đại diện hợp pháp của bị hại

không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản nào khác nên không đặt ra để xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với xe mô tô biển số 75F1-016.xx, số khung: RLCJ31C30BY038794, số máy 31C3-038812 thuộc quyền sở hữu của anh Hồ Đình Q, anh Q cho V mượn xe để làm phương tiện đi lại làm việc nhưng V sử dụng mô tô nói trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội mà anh Q không biết nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã quyết định trả lại cho anh Q là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Hồ Đình V, Danh T phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47, điểm i, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a Điều 65, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Áp dụng các điều 2, 4, 5, 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Danh T (Tên khác là Dương Minh T) và Hồ Đình V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

1.1 Xử phạt Bị cáo Danh T (Tên gọi khác là Dương Minh T) 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Danh T cho Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2 Xử phạt Bị cáo Hồ Đình V 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Hồ Đình V cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3 Trường hợp bị cáo Danh T và bị cáo Hồ Đình V có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Cuộn dây điện có vỏ màu đen bên trong có 04 lõi bằng đồng, dài 40m, trọng lượng 49kg, loại dây 4x25mm đã trả xong cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

3. Về Biện pháp tư pháp: Xe mô tô biển số 75F1-016.xx, số khung RLCJ31C30BY038794, số máy 31C3-038812 đã trả lại cho anh Hồ Đình Q đã xong nên không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Danh T (Tên gọi khác là Dương Minh T) và bị cáo Hồ Đình V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

5. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công an huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thanh

